

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 3 - 2019

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điền;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị VTHH, sinh năm 1976; ĐKNKTT: Số nhà 76B, A, phường B, quận C, Hải Phòng; tạm trú: Số nhà 6/201, đường D, phường E, quận F, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh VMH, sinh năm 1972; ĐKNKTT và trú tại: Số nhà 76B, A, phường B, quận C, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị VTHH) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (VTHH) và anh VMH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận C vào ngày 22/4/1996. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 3/2013 cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, vợ chồng thực sự không còn tình cảm và không thể chung sống được nữa nên tôi (VTHH) yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh VMH.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung tên là G, sinh ngày 29/9/1996 và H, sinh ngày 05/12/2001. Ly hôn, tôi đề nghị được nuôi cháu H, khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì tôi và anh VMH sẽ tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Trường đã trên 18 tuổi nên tôi không có yêu cầu gì về người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Tôi (VTHH) và anh VMH tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn (anh VMH): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án số: 15/TB-TLVA, ngày 16/3/2018 cho bị đơn. Sau đó, Tòa án đã hai lần tiến hành triệu tập (các ngày 18/4/2018 và 03/5/2018), hai lần thông báo phiên hòa giải (các ngày 19/9/2018 và 16/01/2019) và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không gửi bản tự khai đến Tòa án và cũng không có mặt tại các phiên hòa giải theo nội dung triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn (anh VMH) vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Chị VTHH được ly hôn với anh VMH.

- Về con chung: Giao cho chị VTHH trực tiếp nuôi con là H, sinh ngày 05/12/2001. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng do chị VTHH và anh VMH tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị VTHH phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt đến lần thứ

hai không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTHH và anh VMH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C (Giấy chứng nhận kết hôn số: 01, quyển số 37, ngày 22/4/1996).

[2.1] Quá trình chị VTHH và anh VMH chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về tính cách và bất đồng trong quan điểm sống. Chị VTHH và anh VMH đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 3 năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị VTHH yêu cầu giải quyết ly hôn với anh VMH.

[2.2] Đối với bị đơn (anh VMH): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án số: 15/TB-TLVA, ngày 16/3/2018 cho bị đơn để thực hiện việc trình bày bản tự khai nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không gửi bản tự khai đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần tiến hành triệu tập (vào các ngày 18/4/2018 và 03/5/2018), hai lần thông báo phiên hòa giải (vào các ngày 19/9/2018 và 16/01/2019) và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải. Điều này chứng minh bị đơn (anh VMH) không có thiện chí muốn cải thiện quan hệ vợ chồng và cũng chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị VTHH và anh VMH đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm đối với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Thực tế là hai bên đã tự sống ly thân chấm dứt quan hệ, trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau từ tháng 3 năm 2013 cho đến nay.

[2.3] Từ những căn cứ, phân tích nêu trên thấy việc chị VTHH có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh VMH là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị VTHH; xử chị VTHH được ly hôn với anh VMH.

[3] Về con chung: Chị VTHH và anh VMH có hai con chung là G, sinh ngày 29/9/1996 và H, sinh ngày 05/12/2001. Ly hôn, chị VTHH yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Trường hiện đã trên 18 tuổi nên chị VTHH không có yêu cầu gì về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn (anh VMH) không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án trình bày về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[3.1] Xét thấy từ khi chị VTHH và anh VMH sống ly thân cho đến nay thì chị VTHH vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu H ổn định. Mặt khác, cháu H có đơn trình bày gửi đến Tòa án thể hiện nguyện vọng mong muốn được sống cùng mẹ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị VTHH về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Giao cho chị VTHH được trực tiếp nuôi con là H. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị VTHH và anh VMH tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.2] Đối với cháu G, sinh ngày 29/9/1996 hiện đã trên 18 tuổi; chị VTHH và anh VMH đều không có yêu cầu gì về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị VTHH và anh VMH đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chị VTHH phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị VTHH được ly hôn với anh VMH.

- Về con chung: Giao con là H, sinh ngày 05/12/2001, cho chị VTHH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do chị VTHH và anh VMH tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị VTHH phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2014, số 0007716, ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chị VTHH đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, C;
- (Giấy CNKH số: 109, ngày 29/8/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: HS; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên

